

Số 3099 /BKĐT-KTNN

V/v tình hình thực hiện các chính sách về huy động và sử dụng nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Tại Quyết định số 421/QĐ-TTg ngày 16/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ~~ban hành~~ Chương trình công tác năm 2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ “*Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các chính sách về huy động và sử dụng nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới*”.

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo tình hình thực hiện các chính sách về huy động và sử dụng nguồn lực trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình), cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

Đánh giá được kết quả, mặt được, tồn tại và hạn chế trong quá trình thực hiện các chính sách về huy động và sử dụng nguồn lực trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, phục vụ cho việc tổng kết 10 năm (2010-2019) thực hiện Chương trình, làm cơ sở cho việc hoàn thiện chính sách trong giai đoạn sau 2020.

2. Nội dung báo cáo

Báo cáo tổng quan kết quả xây dựng nông thôn mới tại địa phương giai đoạn 2010-2015 và 2016-2019 dự kiến 2020; Tập trung đánh giá tình hình thực hiện các chính sách về đầu tư, huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Kết quả đạt được, khó khăn vướng mắc, kiến nghị; Đề xuất bổ sung sửa đổi chính sách trong giai đoạn tới, cụ thể:

a) Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

b) Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc CTMTQG giai đoạn 2016-2020;

c) Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

d) Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/2/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG

đ) Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP; số 57/2018/NĐ-CP)

e) Các văn bản hướng dẫn khác của các bộ, ngành trung ương (văn bản hướng dẫn liên quan đến thanh quyết toán, hướng dẫn phân bổ vốn ngân sách trung ương, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, phương pháp thống kê vốn...).

(Nội dung báo cáo thực hiện theo Đề cương kèm theo)

Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo, giao cơ quan chủ trì, phối hợp, rà soát, tổng hợp số liệu từ các cấp (xã, huyện và tỉnh); đảm bảo tính thống nhất, đúng quy định; gửi báo cáo và số liệu về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.


3. Khảo sát, đánh giá thực tế

Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ thành lập Đoàn công tác khảo sát, đánh giá thực tế, trong đó tập trung nội dung Mục 2 nêu trên tại một số địa phương. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao các cơ quan có liên quan phối hợp với Đoàn công tác (khi có yêu cầu). Kế hoạch chi tiết sẽ có thông báo sau (dự kiến thời gian trong khoảng tháng 5 đến tháng 9 năm 2019).

4. Thời hạn gửi báo cáo

Báo cáo xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/6/2019 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (bằng văn bản qua đường công văn và qua thư điện tử: luungocluong@mpi.gov.vn).

(Chi tiết xin liên hệ số điện thoại 0986.032266/080.43978)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo để UBND các tỉnh, thành phố biết, phối hợp và thực hiện. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTg);
- Các Bộ: TC; NN&PTNT (để p/h);
- Vụ TCTT;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, KTNN

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hiếu



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH VỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo văn bản số 3099 /BKHĐT-KTNN ngày 14 tháng 5 năm 2019)

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Đánh giá khái quát về tình hình, kết quả, hiệu quả thực hiện chính sách đầu tư giai đoạn 2016-2020

- Tổng số vốn huy động thực hiện Chương trình, từ các nguồn: Nguồn vốn ngân sách nhà nước (*Trung ương và địa phương bao gồm: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp*); Vốn tín dụng; Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác; Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư giai đoạn 2016-2019 và ước 2016-2020 (*Chi tiết số liệu huy động vốn theo mẫu biểu kèm theo*).

- Tình hình nợ đọng, xử lý nợ đọng XDCH của chương trình MTQG trên địa bàn (*Tổng hợp số liệu theo mẫu biểu kèm theo*).

- Kết quả thực hiện chương trình đến thời gian báo cáo; dự kiến đến cuối năm 2020 về các chỉ tiêu chính: Tỷ lệ số xã đạt chuẩn, số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, số tiêu chí bình quân/xã; So sánh với giai đoạn 2010-2015; đánh giá chỉ tiêu đạt được với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao...

2. Khái quát về tồn tại, hạn chế, kiến nghị.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

1. Tình hình thực hiện các quy định về đầu tư trong Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (bao gồm cả Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017):

a) Kết quả đạt được

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương.

- Đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của chính sách: Cơ chế phân bổ nguồn vốn (cấp tỉnh phân bổ trực tiếp theo công trình hay phân bổ cho cấp huyện để phân bổ lại cho cấp xã); Cơ chế quản lý tài chính và giám sát việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực ở các cấp; Cơ chế hỗ trợ, nội dung hỗ trợ; Kinh phí duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình sau đầu tư; Cơ chế phân cấp, trao quyền (tỷ lệ số vốn do cấp xã, huyện, tỉnh làm chủ đầu tư); Cơ chế lựa chọn nhà thầu; Giám sát cộng đồng...

- Tình hình lồng ghép các chương trình hỗ trợ NSNN trên địa bàn cấp xã, huyện (nếu có);

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, kiến nghị

2. Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc CTMTQG giai đoạn 2016-2020 (bao gồm cả nội dung sửa đổi tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP):

a) Kết quả đạt được

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương: Danh mục loại công trình được áp dụng cơ chế đặc thù; số lượng, chủng loại công trình (giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa...) được ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thời gian ban hành, mức độ áp dụng; các hướng dẫn khác (nếu có).

- Đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của chính sách: Số vốn tiết kiệm được so với cách làm thông thường; số vốn ngoài ngân sách huy động được; năng lực cán bộ cơ sở; sự tham gia của cộng đồng...

- Tổng số vốn áp dụng cơ chế đặc thù so với tổng số vốn ngân sách bố trí cho Chương trình; Tổng số công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù (trong đó tách riêng số lượng công trình chỉ áp dụng Điều 3 Nghị định 161/2016/NĐ-CP); tổng số công trình khởi công mới trong giai đoạn 2016-2019;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 3, Điều 3.

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, kiến nghị.

3. Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

a) Kết quả đạt được

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương để huy động và phân bổ nguồn lực;

- Kết quả thực hiện công tác phân bổ, giải ngân hàng năm: Kế hoạch trung hạn (số, ngày tháng văn bản); Kế hoạch phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hàng năm (số, ngày tháng văn bản). Nguyên nhân phân bổ, giải ngân chậm (nếu có).

- Kết quả thực hiện quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; Kết quả bố trí vốn cho nội dung phát triển hợp tác xã;

- Đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của chính sách: Nguyên tắc phân bổ; đối tượng phân bổ; tỷ lệ vốn đối ứng; các quy định về phân cấp...

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, kiến nghị

4. Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/2/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG:

a) Kết quả đạt được

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương;

- Kết quả thực hiện chính sách: Tỷ lệ số vốn ngân sách giao cấp xã làm chủ đầu tư; sự tham gia của cộng đồng vào quá trình lập kế hoạch đầu tư công cấp xã (việc tổ chức cuộc họp kế hoạch thôn, kế hoạch xã; tỷ lệ tham gia của các hộ dân tại cuộc họp thôn; sự đồng thuận của người dân đối với kế hoạch đầu tư cấp xã,...).

- Đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của chính sách: Các quy định cụ thể về sự tham gia của người dân, quy trình lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch.

- Tình hình thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 7.

b) Tồn tại, hạn chế

5. Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP; số 57/2018/NĐ-CP)

a) Kết quả đạt được:

- Vai trò của doanh nghiệp trong xây dựng nông thôn mới: Việc làm, phát triển hạ tầng, tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ...

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương;

- Kết quả thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (số dự án, số vốn của doanh nghiệp, ưu đãi và hỗ trợ vốn của nhà nước, kết quả hoạt động của các dự án)

b) Tồn tại hạn chế

6. Đánh giá về tình hình thực hiện các văn bản hướng dẫn khác của các bộ, ngành trung ương

a) Hướng dẫn thanh quyết toán: Mặt được và tồn tại, hạn chế

b) Hướng dẫn phân bổ vốn ngân sách trung ương hàng năm (nếu có): Mặt được và tồn tại, hạn chế

c) Xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, phương pháp thống kê vốn...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về sự cần thiết thực hiện Chương trình sau 2020

2. Về các văn bản, chính sách cụ thể: Các Luật, nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn; Các quy định về phân cấp trao quyền, huy động và sử dụng nguồn lực

Phụ lục
KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nguồn vốn huy động	Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2020					Dự kiến 2020	Dự kiến nhu cầu 2021-2025
			Tổng số	2016	2017	2018	2019		
A.	Huy động và bố trí vốn								
1.	Ngân sách trung ương								
1.1.	Vốn Đầu tư phát triển								
	Ngân sách trung ương								
	- Ngân sách bố trí trực tiếp của NTM								
	- Vốn lồng ghép (giảm nghèo, hỗ trợ có mục tiêu ...)								
	Ngân sách địa phương								
	- Ngân sách bố trí trực tiếp								
	- Vốn lồng ghép								
1.2.	Vốn sự nghiệp								
	Ngân sách trung ương								
	Ngân sách địa phương								
2.	Vốn tín dụng								
3.	Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã								
4.	Vốn huy động từ cộng đồng dân cư								
	- Quy đổi từ hiến đất, hiến vật								
	- Quy đổi từ ngày công lao động								
	- Góp bằng tiền								
5.	Tổng số (1+2+3+4)								
B	Nợ động xây dựng cơ bản⁽²⁾								
1.	Nguồn vốn NSTW								
2.	Nguồn vốn NSDP								

Ghi chú: (1). Biểu số liệu nêu trên được cập nhật, áp dụng cho: Tổng hợp số liệu cấp xã; Cấp huyện (được tổng hợp số liệu từ biểu các xã trên địa bàn huyện; Cấp tỉnh (tổng hợp trên cơ sở số liệu từ cấp huyện trên địa bàn tỉnh)

(2). Số liệu nợ động xây dựng được tổng hợp, phân loại trên cơ sở văn bản hướng dẫn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tiêu chí nợ xây dựng cơ bản trong chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM; Số liệu nợ XDCC đã soát kỹ, phù hợp với các số liệu báo cáo đã gửi cho các liên quan.